

TT-ĐT

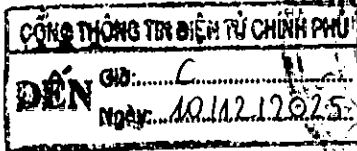
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2671 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa
thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (lần 2)



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ
về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt
động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên
quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công
Thương (lần 2) ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương có liên quan
trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm:

1. Triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương
án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh
doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền
sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, thủ tục hành chính tại các văn bản quy phạm
pháp luật hoặc áp dụng hình thức một văn bản sửa đổi nhiều văn bản theo trình
tự, thủ tục rút gọn theo quy định pháp luật về xây dựng, ban hành văn bản quy
phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính
liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông
qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Giao Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc Bộ Công Thương và
các bộ, cơ quan liên quan thực hiện Quyết định này; tổng hợp vướng mắc để kịp
thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt
giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh
được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

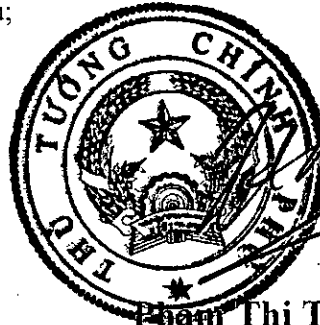
Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng tư vấn CCTTHC của TTgCP;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

15

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (lần 2)

(Kèm theo Quyết định số 2671 /QĐ-TTg

ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẦN I PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1643/QĐ-TTG NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2025

I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT, KINH DOANH RƯỢU

1. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 1 tại số thứ tự 1 mục I Phần I như sau:

“1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 2.000633)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất”.

- Giảm 50% phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

2. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 5 tại số thứ tự 5 mục I Phần I như sau:

“5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) (Mã TTHC: 2.001646)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất”.

- Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế dưới 3 triệu lít/năm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

3. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 7 tại số thứ tự 7 mục I Phần I như sau:

“7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.004021)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà doanh nghiệp sản xuất hoặc dự kiến sản xuất”.

- Giảm 50% phí thẩm định hoạt động sản xuất rượu đối với cơ sở sản xuất rượu có công suất thiết kế từ 3 triệu lít/năm trở lên.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 19 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Sửa đổi Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

4. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 10 tại số thứ tự 10 mục I Phần I như sau:

“10. Thủ tục hành chính 10: Cấp giấy phép phân phối rượu (Mã TTHC: 1.003977)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán buôn rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu”.

- Giảm thời gian cấp Giấy phép phân phối rượu từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 21 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 5, khoản 6 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

5. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 13 tại số thứ tự 13 mục I Phần I như sau:

“13. Thủ tục hành chính 13: Cấp giấy phép bán lẻ rượu (Mã TTHC: 2.000620)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ”.

- Giảm thời gian cấp Giấy phép bán lẻ rượu từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 23, điểm c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

1. Sửa đổi lộ trình thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn thực phẩm tại mục II Phần I như sau:

“- Lộ trình thực hiện: 2025-2026”.

2. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 4 tại số thứ tự 4 mục II Phần I như sau:

“4. Thủ tục hành chính 4: Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (Mã TTHC: 1.003951)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm 50% phí thẩm định công nhận hoặc chỉ định phòng kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Phân cấp từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở kiểm nghiệm đặt trụ sở chính thực hiện.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý Nhà nước.

- Sửa đổi khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

- Sửa đổi Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026”.

III. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUỐC LÁ

1. Sửa đổi lộ trình thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuốc lá tại mục V Phần I như sau:

“- Lộ trình thực hiện: 2025-2026”.

2. Sửa đổi tên Thủ tục hành chính 15 tại số thứ tự 15 mục V Phần I như sau:

“15. Thủ tục hành chính 15: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 2.000181)”

3. Sửa đổi tên Thủ tục hành chính 17 tại số thứ tự 17 mục V Phần I như sau:

“17. Thủ tục hành chính 17: Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 2.000150)”.

IV. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

1. Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 11 mục VI Phần I như sau:

“11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân mua bán LNG (Mã TTHC: 2.000166)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 7 Điều 38 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí được sửa đổi bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

2. Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 12 mục VI Phần I như sau:

“12. Thủ tục hành chính 12: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân mua bán CNG (Mã TTHC: 2.000354)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 8 Điều 38 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí được sửa đổi bổ sung một số điều theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

3. Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 13 mục VI Phần I như sau:

“13. Thủ tục hành chính 13: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG (Mã TTHC: 1.000475)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ các thành phần hồ sơ: Danh mục quy trình về an toàn chế tạo chai LPG, quy trình sửa chữa chai LPG; Quy trình chế tạo một chai LPG điển hình (bao gồm cả tính toán bền).

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4, khoản 5 Điều 41 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 về kinh doanh khí.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 43 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

4. Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 14 mục VI Phần I như sau:

“14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG mini (Mã TTHC: 2.000304)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Danh mục quy trình về an toàn chế tạo chai LPG mini

- Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4, 5 điều 42 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 về kinh doanh khí.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 43 Nghị định 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

V. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 4 tại số thứ tự 4 mục VIII Phần I như sau:

“4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (Mã TTHC: 1.004155)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ 02 thành phần hồ sơ: : (i) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp; (ii) Văn bản của cơ quan điện lực nơi doanh nghiệp có kho, bãi xác nhận về việc kho, bãi có đủ nguồn điện lưới để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa: 1 bản chính; (iii) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp sở hữu kho, bãi hoặc hợp đồng thuê kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực

phẩm đông lạnh theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP): 1 bản sao có đóng dấu của doanh nghiệp.

- Phân cấp từ Bộ Công Thương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

2. Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 41 mục VIII Phần I như sau:

“41. Thủ tục hành chính 41: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo (Mã TTHC: 1.000299)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư”.

- Cắt giảm thời gian cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo (viết tắt là Nghị định số 107/2018/NĐ-CP).

- Sửa đổi khoản 4 Điều 6 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

3. Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 42 mục VIII Phần I như sau:

“42. Thủ tục hành chính 42: Cấp lại, điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo (Mã TTHC: 2.000273)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo từ 10 ngày làm việc còn 7 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 7 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025”.

VI. SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP

1. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 1 tại số thứ tự 1 mục XI Phần I như sau:

“1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 1.000887)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (đã sửa đổi tại Nghị định số 18/2023/NĐ-CP).

- Bãi bỏ điểm b và điểm g khoản 1 Điều 7, khoản 9 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

2. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 2 tại số thứ tự 2 mục XI Phần I như sau:

“2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 2.001608)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định Hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Bãi bỏ điểm b và điểm g khoản 1 Điều 7, khoản 9 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

3. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 5 tại số thứ tự 5 mục XI Phần I như sau:

“5. Thủ tục hành chính 5: Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 1.003765)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định Hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Bãi bỏ điểm b và điểm g khoản 1 Điều 7, khoản 9 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

4. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 7 tại số thứ tự 7 mục XI Phần I như sau:

“7. Thủ tục hành chính 7: Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 1.003705)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bộ Công Thương phân cấp cho UBND cấp tỉnh giải quyết TTHC (được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP); Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

VII. SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 5 tại số thứ tự 5 mục XII Phần I như sau:

“5. Thủ tục hành chính 5: Đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử (Mã TTHC: 1.010834)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Giảm thời gian xử lý hồ sơ bản giấy.
- Bãi bỏ thành phần hồ sơ, bao gồm: (i) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập (đối với tổ chức), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với thương nhân); (ii) Bỏ một phần nội dung trong Đề án cung cấp dịch vụ: “Thông tin giới thiệu về thương nhân, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử”.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 và khoản 5 Điều 63 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (đã sửa đổi tại Nghị định 85/2021/NĐ-CP).

- Bãi bỏ điểm a và gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm b, khoản 1 Điều 63 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (được sửa đổi bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại).

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026”.

2. Bãi bỏ số thứ tự 16 mục XII Phần I.

VIII. SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

1. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 2 tại số thứ tự 2 mục XIII Phần I như sau:

“2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu (Mã TTHC: 2.000557)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Nghị định này, kèm theo các tài liệu chứng minh”.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định này”.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày làm việc xuống 22 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 3, 4 điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (đã được sửa đổi bởi Nghị định số 80/2023/NĐ-CP).

- Bãi bỏ cụm từ “trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên” tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (đã được sửa đổi bởi Nghị định 95/2021/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

IX. SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Sửa đổi phương án cắt giảm, đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại quốc tế tại mục XIV phần I như sau:

“XIV. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (Mã TTHC: 2.000255)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về “có kế hoạch tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp giấy phép kinh doanh” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Bản giải trình của Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh (Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng với quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bãi bỏ nội dung giải trình và tài liệu có liên quan về kế hoạch tài chính quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (Mã TTHC: 2.000370)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về có kế hoạch tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp giấy phép kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Bản giải trình của Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh (Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng với quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bãi bỏ các tiêu chí: “khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước” và “khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ nội dung giải trình và tài liệu có liên quan về kế hoạch tài chính quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba, gạch đầu dòng thứ tư tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (Mã TTHC: 2.000362)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về có kế hoạch tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp giấy phép kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Bản giải trình của Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh (Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng với quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bãi bỏ các tiêu chí: “khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước” và “khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước” quy định tại điểm b khoản 2 Nghị định 09/2018/NĐ-CP

- Bãi bỏ nội dung giải trình và tài liệu có liên quan về kế hoạch tài chính quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba, gạch đầu dòng thứ tư tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000351)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về có kế hoạch tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp giấy phép kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Bản giải trình của Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh (Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng với quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bãi bỏ các tiêu chí: “khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước” và “khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước” quy định tại điểm b khoản 2 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ nội dung giải trình và tài liệu có liên quan về kế hoạch tài chính quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba, gạch đầu dòng thứ tư tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 2.000330)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về có kế hoạch tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp giấy phép kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Bản giải trình của Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh (Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng với quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bãi bỏ nội dung giải trình và tài liệu có liên quan về kế hoạch tài chính quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000272)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về có kế hoạch tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp giấy phép kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Bản giải trình của Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh (Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng với quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP).

- Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 12 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 2.000361)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 1.000774)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ tiêu chí/điều kiện: “Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý”.

- Bãi bỏ tiêu chí/điều kiện: “Tạo việc làm cho lao động trong nước” và “Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất, gạch đầu dòng thứ tư điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 9: Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành của hàng tiện lợi, siêu thị mini (Mã TTHC: 2.002166)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất, gạch đầu dòng thứ tư điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10. Thủ tục hành chính 10: Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 1.001441)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (Mã TTHC: 2.000662)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

Trường hợp cơ sở bán lẻ không thuộc diện xét ENT:

- Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này:

- Bãi bỏ tiêu chí/điều kiện: “Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý”.

- Bãi bỏ tiêu chí/điều kiện: “Tạo việc làm cho lao động trong nước” và “Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước”.

- Bãi bỏ nội dung giải trình về kế hoạch tài chính cho việc lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất, gạch đầu dòng thứ tư điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025”.

X. SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

Sửa đổi phương án cắt giảm, đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tại mục XV phần I như sau:

“1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.001600)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao văn bản giao nhiệm vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.001575)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao văn bản giao nhiệm vụ kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ”.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026”.

XI. SỬA ĐỔI PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

Sửa đổi phương án cắt giảm, đơn giản hoá đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện lực tại mục XVI phần I như sau:

“XVI. LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương (Mã TTHC: 2.001707)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép” quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Hồ sơ của người quản lý kỹ thuật: Bằng tốt nghiệp đại học trở lên; bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực phát điện có

xác nhận của người sử dụng lao động theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “thẻ an toàn điện” quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định” quy định tại khoản 13 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà” quy định tại điểm c khoản 15 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4, khoản 13, điểm c khoản 15 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Sửa đổi khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013401)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép” quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Hồ sơ của người quản lý kỹ thuật: Bằng tốt nghiệp đại học trở lên; bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực phát điện có xác nhận của người sử dụng lao động theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “thẻ an toàn điện” quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định” quy định tại khoản 13 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà” quy định tại điểm c khoản 15 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4, khoản 13, điểm c khoản 15 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Sửa đổi khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép hoạt động truyền tải (Mã TTHC: 1.013402)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép” quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Hồ sơ của người quản lý kỹ thuật: Bằng tốt nghiệp đại học trở lên; bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực truyền tải điện có xác nhận của người sử dụng lao động theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “thẻ an toàn điện” quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và văn bản điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực (nếu có) của dự án đề

ngiht cấp phép” quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định” quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường” quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản giao hoặc cho thuê đất, đất có mặt nước, khu vực biển để thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền” quy định tại khoản 12 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định” quy định tại khoản 13 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 12, khoản 13 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Sửa đổi khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 9 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013411)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép” quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Hồ sơ của người quản lý kỹ thuật: Bằng tốt nghiệp đại học trở lên; bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực phân phối điện hoặc truyền tải điện có xác nhận của người sử dụng lao động theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “thẻ an toàn điện” quy định tại điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản phê duyệt phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện và các quyết định điều chỉnh (nếu có) của dự án đề nghị cấp phép” quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định hoặc danh mục lưới điện trung áp, hạ áp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Luật Điện lực” quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản giao hoặc cho thuê đất, đất có mặt nước, khu vực biển để thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) hoặc thỏa thuận hướng tuyến của lưới điện phân phối” quy định tại khoản 11 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định” quy định tại khoản 13 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 4, khoản 6, khoản 7, khoản 11, khoản 13 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Sửa đổi khoản 3, điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013412)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép” quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện có xác nhận của người sử dụng lao động theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phương án hoạt động bán buôn điện theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 11 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

6. Thủ tục hành chính số 6: Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013416)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép” quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện có xác nhận của người sử dụng lao động theo Mẫu 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực;

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phương án hoạt động bán lẻ điện theo Mẫu 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này” quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 12 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026”.

XII. BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HOÁ CHẤT

Bổ sung Mục XVII tại Phần I như sau:

“XVII. LĨNH VỰC HOÁ CHẤT

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Hóa chất bảng 3 (Mã TTHC: 1.012438)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ “Bản kê khai các điểm kinh doanh” tại điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định 33/2024/NĐ-CP.

- Bãi bỏ “Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn của từng điểm kinh doanh hóa chất:” tại điểm e khoản 3 Điều 12 Nghị định 33/2024/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, điểm e khoản 3 Điều 12 Nghị định 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, Hóa chất bảng 3 (Mã TTHC 1.012441)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ “Bản kê khai các điểm kinh doanh” tại điểm b khoản 4 Điều 12 Nghị định 33/2024/NĐ-CP.

- Bãi bỏ “Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động và an toàn của từng điểm kinh doanh hóa chất:” tại điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định 33/2024/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, điểm e khoản 4 Điều 12 Nghị định 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC 1.003980)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Giảm chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.002093)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Giảm chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 1.011503)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh quy định tại điểm b khoản 2a Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất quy định tại điểm b khoản 2a Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất quy định tại điểm b khoản 2a Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Giảm chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm b khoản 2a Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 2.001547)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Giảm chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (Mã TTHC: 1.002758)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Giảm chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mã TTHC: 1.011506)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai từng cơ sở sản xuất, địa điểm kinh doanh hóa chất quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Bãi bỏ thành phần hồ sơ: Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Giảm chi phí thuê tư vấn, nghiên cứu, tìm hiểu quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 10 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025- 2026”.

Phần II

THAY THẾ PHẦN II PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1643/QĐ-TTG NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2025

I. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH RƯỢU

1. Điều kiện phân phối rượu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có hệ thống phân phối rượu trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên (đã bao gồm địa bàn doanh nghiệp đặt trụ sở chính);

- Bãi bỏ điều kiện: Tại mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có ít nhất 01 thương nhân bán buôn rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán buôn rượu.

- Bãi bỏ điều kiện: Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu khác hoặc nhà cung cấp rượu ở nước ngoài.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa khoản 4 Điều 11 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

- Sửa đổi quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Điều kiện bán buôn rượu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hệ thống bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính với ít nhất 01 thương nhân bán lẻ rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán lẻ rượu.

- Bãi bỏ điều kiện: Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu khác.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 12 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu; khoản 6 Điều 16 Nghị định 17/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 105/2017/NĐ-CP về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Điều kiện bán lẻ rượu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có quyền sử dụng hợp pháp của địa điểm kinh doanh.

- Bãi bỏ điều kiện: Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- Bãi bỏ quy định khoản 3 Điều 13 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Điều kiện nhập khẩu rượu có độ cồn dưới 5,5 độ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 31a của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

- Bãi bỏ điều kiện: Rượu chỉ được nhập khẩu vào Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế.

- Bãi bỏ điều kiện: Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 31b Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Điều kiện bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

- Bãi bỏ điều kiện: Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;

- Bãi bỏ điều kiện: Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thương nhân đặt cơ sở kinh doanh trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban

hành kèm theo Nghị số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 31c Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Điều kiện sản xuất rượu công nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện và chuyển hậu kiểm: Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 5 Điều 8 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Điều kiện sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ và chuyển hậu kiểm điều kiện: Ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 9 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Điều kiện sản xuất rượu thủ công bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Trường hợp không bán rượu cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công phải làm thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH THUỐC LÁ

1. Điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

- Bãi bỏ điều kiện: Có văn bản giới thiệu mua bán của Nhà cung cấp thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b, d khoản 1 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 106/2017/NĐ-CP và Nghị định 08/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

2. Điều kiện cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hệ thống bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn tỉnh nơi thương nhân đặt trụ sở chính (tối thiểu phải từ 02 thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá trở lên).

- Bãi bỏ điều kiện: Có văn bản giới thiệu của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ khoản 2 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 106/2017/NĐ-CP và Nghị định số 08/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

3. Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại điểm b, d khoản 3 Điều 26 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

4. Điều kiện cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá hoặc hợp đồng nguyên tắc hoặc thỏa thuận

xuất khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá với doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, doanh nghiệp chế biến nguyên liệu thuốc lá. Doanh nghiệp có Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá chỉ được nhập khẩu ủy thác nguyên liệu thuốc lá cho các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 9 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

5. Điều kiện cấp giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm đặt cơ sở chế biến phải phù hợp Chiến lược sản xuất sản phẩm thuốc lá và vùng nguyên liệu thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 6 Điều 12 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

6. Điều kiện nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá;

- Bãi bỏ điều kiện: Máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá nhập khẩu phải phù hợp với năng lực sản xuất của doanh nghiệp đã được Bộ Công Thương công bố;

- Bãi bỏ điều kiện: Được sự đồng ý chủ trương đầu tư của Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 34 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá chuyển thành trách nhiệm của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

7. Điều kiện nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất tiêu thụ trong nước, sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện : Được sự đồng ý của Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

8. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Có đăng ký kinh doanh mặt hàng nguyên liệu thuốc lá.

- Bãi bỏ điều kiện: Có quy mô đầu tư trồng cây thuốc lá tại địa phương ít nhất 100 ha mỗi năm;

- Bãi bỏ điều kiện: Phải có hợp đồng đầu tư trồng cây thuốc lá với người trồng cây thuốc lá phù hợp với quy mô kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 7 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

9. Điều kiện cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (được sửa đổi bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

10. Điều kiện đầu tư, hợp tác với nước ngoài để sản xuất thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị định số 67 /2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá (được sửa đổi bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

- Lộ trình thực hiện: 2025-2026.

III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH KHÍ

1. Điều kiện đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có chai LPG hoặc hợp đồng thuê chai LPG đáp ứng đủ điều kiện lưu thông trên thị trường đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG kinh doanh LPG chai.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này còn phải có trạm cấp khí đáp ứng các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí (đã được sửa đổi bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Điều kiện đối với thương nhân sản xuất, chế biến khí

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với thương nhân sản xuất, chế biến LNG ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí phải có hệ thống bơm, nạp LNG để vận chuyển hoặc có hệ thống thiết bị phục vụ hoạt động hóa khí cung cấp cho khách hàng.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với thương nhân sản xuất, chế biến CNG ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí phải có trạm nén khí CNG.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Điều kiện đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với thương nhân kinh doanh mua bán khí qua đường ống ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 8 còn phải có trạm cấp khí đáp ứng các điều kiện về an toàn theo quy định tại Chương IV Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Bãi bỏ điều kiện: phải có trạm cấp LNG hoặc trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: phải có xe bồn CNG, trạm nén CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, 3, 4 Điều 8 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí-(đã được sửa đổi bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Điều kiện đối với pha chế khí

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Thương nhân sản xuất, chế biến khí và thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí được thực hiện pha chế khí tại cơ sở sản xuất, chế biến hoặc kho chứa khí của thương nhân.

- Bãi bỏ điều kiện: Thương nhân pha chế khí phải có phòng thử nghiệm chất lượng khí hoặc có hợp đồng thuê tối thiểu 01 năm với tổ chức đủ năng lực thử nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Bãi bỏ điều kiện: Thương nhân thực hiện pha chế khí phải đăng ký cơ sở pha chế với Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Điều 9 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ LPG chai

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có hợp đồng tối thiểu 1 năm bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí, trừ trường hợp cửa hàng trực thuộc của thương nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Điều kiện đối với sản xuất, sửa chữa chai LPG.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có đầy đủ các quy trình về an toàn.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung liên quan tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Điều kiện đối với sản xuất chai LPG mini

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có đầy đủ các quy định về an toàn.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung liên quan tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Điều kiện đối với kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng xuất, nhập khẩu khí

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Thương nhân có cầu cảng thuộc hệ thống cảng biển Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Cầu cảng thuộc quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bãi bỏ điều kiện: Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Điều 17 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9. Điều kiện đối với kinh doanh dịch vụ cho thuê bồn chứa, kho chứa LPG chai

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê bồn chứa khí: Thương nhân có bồn chứa khí đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí và pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê kho chứa LPG chai: Thương nhân có kho chứa LPG chai đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí và pháp luật có liên quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Điều 18 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10. Điều kiện đối với kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương tiện vận chuyển khí được phép vận chuyển hàng nguy hiểm theo quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Điều 19 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh khí.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH XĂNG DẦU

1. Điều kiện đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ 05 năm trở lên.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 7 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (được sửa đổi bởi Nghị định 95/2021/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Điều kiện đối với thương nhân phân phối xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ 05 năm trở lên.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ 05 năm trở lên.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phòng thử nghiệm thuộc sở hữu của thương nhân hoặc thuê của tổ chức có phòng thử nghiệm đủ năng lực kiểm tra, thử nghiệm theo quy định.

- Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Bãi bỏ điều kiện: Địa bàn của hệ thống phân phối xăng dầu từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 2, 3, 4, 6 Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (được sửa đổi bởi Nghị định số 95/2021/NĐ-CP).

- Sửa quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (được sửa đổi bởi Nghị định số 95/2021/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Điều kiện đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với thương nhân đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu được tiếp tục hoạt động theo các quy định về tổng đại lý kinh doanh xăng dầu tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP cho đến khi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hết hiệu lực.

- Bãi bỏ điều kiện: Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định này, các quy định về tổng đại lý tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và

Nghị định số 83/2014/NĐ-CP hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 95/2021/NĐ-CP và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Điều kiện đối với đại lý bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Điều kiện đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Điều kiện đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Điều kiện kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Bãi bỏ điều kiện: Có cầu cảng chuyên dụng nằm trong hệ thống cảng biển, cảng thủy nội địa, có kho chứa thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu, được xây dựng theo các tiêu chuẩn quy định.

- Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 27 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (được sửa đổi tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật, trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh xăng dầu.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu;

- Bãi bỏ điều kiện: Bảo đảm các yêu cầu và quy định về vận chuyển xăng dầu, được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, cho phép lưu hành theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Điều 28 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

V. NGÀNH NGHỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Điều kiện thiết lập website thương mại điện tử bán hàng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là thương nhân, tổ chức hoặc cá nhân đã được cấp mã số thuế cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1 Điều 52 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử được sửa đổi bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

2. Điều kiện đối với thiết lập website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Phân định quyền và trách nhiệm giữa thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử với các bên sử dụng dịch vụ.

- Bãi bỏ điều kiện: Mẫu hợp đồng cung cấp dịch vụ, các điều kiện giao dịch chung, nếu có.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 54, điểm d khoản 2 Điều 55 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (được sửa đổi bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

3. Điều kiện đối với hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (được sửa đổi bởi Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương).

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

4. Điều kiện đối với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Là thương nhân, tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

- Bãi bỏ điều kiện: Thông tin giới thiệu về thương nhân, tổ chức gồm: kinh nghiệm, năng lực phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại điểm a và gạch đầu dòng thứ nhất tại điểm b khoản 1 Điều 63 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử).

- Lộ trình thực hiện: 2025 - 2026.

VI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP

1. Điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại điểm b và điểm g, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

VII. NGÀNH NGHỀ XUẤT NHẬP KHẨU

1. Điều kiện đối với kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Kho, bãi có sức chứa tối thiểu là 100 công-ten-nơ lạnh loại 40 feet, diện tích tối thiểu là 1.500m². Kho, bãi được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào cứng, được xây dựng với chiều cao tối thiểu là 2,5m;

- Bãi bỏ điều kiện: Có đường dành cho xe chở công-ten-nơ di chuyển ra vào kho, bãi; có cổng ra vào và biển hiệu của doanh nghiệp sử dụng kho, bãi.

- Bãi bỏ điều kiện: Kho, bãi có đủ nguồn điện (gồm điện lưới và máy phát điện dự phòng có công suất tương đương) và các thiết bị chuyên dùng kèm theo để vận hành các công-ten-nơ lạnh theo sức chứa của kho, bãi.

- Bãi bỏ điều kiện: Kho, bãi phải thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc do doanh nghiệp ký hợp đồng thuê;

- Bãi bỏ điều kiện: Phải nằm trong khu vực quy hoạch hệ thống kho, bãi phục vụ kinh doanh tạm nhập, tái xuất thực phẩm đông lạnh hoặc trong khu vực do Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới quy định sau khi thống nhất với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và Bộ Công Thương.

- Bãi bỏ điều kiện: Vận đơn phải là vận đơn đích danh, không được chuyển nhượng.

- Bãi bỏ điều kiện: Trên vận đơn phải ghi số Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với hàng hóa đã qua sử dụng thuộc Phụ lục IX số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương, trên vận đơn phải ghi số Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất do Bộ Công Thương cấp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 23 tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương; bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Điều kiện kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ điều kiện: Vận đơn phải là vận đơn đích danh, không được chuyển nhượng.

- Bãi bỏ điều kiện: Trên vận đơn phải ghi số Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với hàng hóa đã qua sử dụng thuộc Phụ lục IX số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương, trên vận đơn phải ghi số Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất do Bộ Công Thương cấp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Điều kiện kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ điều kiện: Vận đơn phải là vận đơn đích danh, không được chuyển nhượng.

- Bãi bỏ điều kiện: Trên vận đơn phải ghi số Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất của doanh nghiệp.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với hàng hóa đã qua sử dụng thuộc Phụ lục IX số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương, trên vận đơn phải ghi số Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất do Bộ Công Thương cấp

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 22 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Điều kiện kinh doanh nhập khẩu ô tô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp được quyền nhập khẩu ô tô sau khi đáp ứng các điều kiện và được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô theo quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp nhập khẩu ô tô phải tuân thủ các quy định về quản lý nhập khẩu ô tô tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 và 3 Điều 14 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

VIII. NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

1. Điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: Có kế hoạch về tài chính để thực hiện hoạt động đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: Khả năng tạo việc làm cho lao động trong nước.

- Bãi bỏ điều kiện: Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm b khoản 1 và nội dung có liên quan tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Căn cứ xem xét chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Chiến lược hợp tác với đối tác nước ngoài của Việt Nam.

- Bãi bỏ điều kiện: Nhu cầu mở cửa thị trường của Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Điều kiện lập cơ sở bán lẻ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: “Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: “Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: “Có kế hoạch về tài chính để lập cơ sở bán lẻ” được quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: “Số lượng các cơ sở bán lẻ đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: “Tạo việc làm cho lao động trong nước” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: “Khả năng và mức độ đóng góp cho ngân sách nhà nước” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các nội dung có liên quan tại điểm a khoản 1 Điều 22, điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Căn cứ xem xét chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Chiến lược hợp tác với đối tác nước ngoài của Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 25 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

IX. NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC

1. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Có đội ngũ quản lý kỹ thuật đáp ứng về số lượng và điều kiện chuyên môn nghiệp vụ.

- Bãi bỏ điều kiện: Được xây dựng, lắp đặt tuân thủ quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương án hoạt động bán buôn điện, bán lẻ điện phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 31 Luật Điện lực số 61/2024/QH15.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 31 Luật Điện lực số 61/2024/QH15.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Có ít nhất 01 người quản lý kỹ thuật.

- Bãi bỏ điều kiện: Có thời gian làm việc trong lĩnh vực phát điện ít nhất 05 năm.

- Bãi bỏ điều kiện: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kỹ thuật điện, công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa hoặc ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật khác.

- Bãi bỏ điều kiện: Được huấn luyện, sát hạch đáp ứng yêu cầu theo quy định về an toàn điện.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hạng mục công trình, công trình phát điện được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Bãi bỏ điều kiện: Phải được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1, 2, 9 Điều 3 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại khoản 3, 11 Điều 3 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Có ít nhất 01 người quản lý kỹ thuật.

- Bãi bỏ điều kiện: Có thời gian làm việc trong lĩnh vực truyền tải điện ít nhất 05 năm.

- Bãi bỏ điều kiện: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kỹ thuật điện, công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa hoặc ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật khác.

- Bãi bỏ điều kiện: Được huấn luyện, sát hạch đáp ứng yêu cầu theo quy định về an toàn điện.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hạng mục công trình, công trình truyền tải điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực và các quyết định điều chỉnh (nếu có).

- Bãi bỏ điều kiện: Có dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không cần phải được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Bãi bỏ điều kiện: Có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, có giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường.

- Bãi bỏ điều kiện: Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện dự án.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hạng mục công trình, công trình lưới điện truyền tải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 4 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan khoản 3 Điều 4 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Có ít nhất 01 người quản lý kỹ thuật.

- Bãi bỏ điều kiện: Thời gian làm việc trong lĩnh vực phân phối điện ít nhất 03 năm.

- Bãi bỏ điều kiện: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: kỹ thuật điện, công nghệ kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa hoặc ngành kỹ thuật, công nghệ kỹ thuật khác.

- Bãi bỏ điều kiện: Được huấn luyện, sát hạch đáp ứng yêu cầu theo quy định về an toàn điện

- Bãi bỏ điều kiện: Có hạng mục công trình, công trình lưới điện phân phối phù hợp với phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh trong đó có nội dung về phương án phát triển mạng lưới cấp điện và các quyết định điều chỉnh (nếu có), trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 5 Điều 10 Luật Điện lực.

- Bãi bỏ điều kiện: Có dự án lưới điện phân phối được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc thuộc danh mục lưới điện trung áp, hạ áp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Luật Điện lực, trừ trường hợp dự án đầu tư không cần phải được chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Bãi bỏ điều kiện: Dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất hoặc cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện dự án.

- Bãi bỏ điều kiện: Có hạng mục công trình, công trình lưới điện phân phối được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7 Điều 5 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm b khoản 3 Điều 5 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

5. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương án hoạt động bán buôn điện

- Bãi bỏ điều kiện: Có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 05 năm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

6. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, gồm: doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Có phương án hoạt động bán lẻ điện.

- Bãi bỏ điều kiện: Có thời gian làm việc trong lĩnh vực kinh doanh mua bán điện ít nhất 03 năm.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 1, khoản 2 Điều 7 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 61/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

X. NGÀNH NGHỀ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

1. Điều kiện nghiên cứu vật liệu nổ công nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Việc triển khai sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất quy mô công nghiệp được thực hiện tại cơ sở sản xuất vật liệu nổ công nghiệp có đủ điều kiện theo quy định và có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ.

- Bãi bỏ điều kiện: Thực hiện việc phân loại, ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật;

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp chỉ được mua vật liệu nổ phục vụ cho nghiên cứu, sản xuất thuốc nổ và

phụ kiện nổ; bán sản phẩm đúng chủng loại cho doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm a khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Bãi bỏ điểm d, đ khoản 2 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 bổ sung quy định trách nhiệm của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3. Điều kiện kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ.

- Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp chỉ được kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp thuộc danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

- Bãi bỏ điều kiện: Được mua lại vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không sử dụng hết. Việc kinh doanh phải bảo đảm đúng quy định trong giấy phép kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung liên quan tại điểm a khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Bãi bỏ điểm đ khoản 3 Điều 34 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 bổ sung quy định trách nhiệm của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4. Điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Chỉ được sản xuất, bán sản phẩm đúng chủng loại cho doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, kinh doanh, sử dụng tiền chất thuốc nổ” tại điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024 bổ sung quy định trách nhiệm của doanh nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

5. Điều kiện kinh doanh tiền chất thuốc nổ

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm kho, bến cảng, nơi tiếp nhận bốc dỡ tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm điều kiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm kho, bến cảng, nơi tiếp nhận bốc dỡ tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm điều kiện có trang thiết bị kiểm soát, thu gom và xử lý chất thải nguy hại hoặc có hợp đồng vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm b khoản 3 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

6. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện: Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải phải bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm d khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

7. Điều kiện kinh doanh dịch vụ nổ mìn

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hoá

- Bãi bỏ điều kiện và chuyển hậu kiểm: có cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân sự bảo đảm cung ứng dịch vụ nổ mìn cho tổ chức, cá nhân thuê dịch vụ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ nội dung có liên quan tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

XI. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO

1. Điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Thương nhân chỉ xuất khẩu gạo hữu cơ, gạo đồ, gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng không cần đáp ứng các điều kiện kinh doanh quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều này, được xuất khẩu các loại gạo này không cần có Giấy chứng nhận, không phải thực hiện dự trữ lưu thông quy định tại Điều 12 và có trách nhiệm báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

- Bãi bỏ điều kiện: Khi thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, thương nhân xuất khẩu gạo hữu cơ, gạo đồ, gạo tăng cường vi chất dinh dưỡng không có Giấy chứng nhận chỉ cần xuất trình cho cơ quan Hải quan bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền văn bản xác nhận, chứng nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc chứng thư giám định gạo xuất khẩu do tổ chức giám định cấp theo quy định của pháp luật về việc sản phẩm gạo xuất khẩu phù hợp với các tiêu chí, phương pháp xác định do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế hướng dẫn theo quy định tại điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

XII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH HÓA CHẤT

1. Điều kiện cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2 ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện: Chỉ được sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ.

- Bãi bỏ điều kiện: Cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 3 ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện: Chỉ được sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 3 cho các mục đích không bị cấm quy định tại Điều 3 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 10 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Yêu cầu chung về nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng phải có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Bãi bỏ điều kiện: Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng là điều kiện để thông quan khi nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

3. Yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh hóa chất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Trang thiết bị bảo hộ lao động

- Bãi bỏ điều kiện: Trang thiết bị bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý chất thải.

- Bãi bỏ điều kiện: Phương tiện vận chuyển.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ điểm c, d, đ khoản 1 Điều 12 Luật Hóa chất năm 2007

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

4. Yêu cầu về chuyên môn trong sản xuất, kinh doanh hóa chất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Người lao động trực tiếp sản xuất phải có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- Bãi bỏ điều kiện: Người lao động trực tiếp kinh doanh hóa chất phải có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2 Điều 13 Luật Hóa chất năm 2007.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026

5. Yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Nhà xưởng, kho chứa phải có lối, cửa thoát hiểm.

- Bãi bỏ điều kiện: Lối thoát hiểm phải được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

- Bãi bỏ điều kiện: Hệ thống thông gió của nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió.

- Bãi bỏ điều kiện: Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ hóa chất.

- Bãi bỏ điều kiện: Thiết bị điện trong nhà xưởng, kho chứa có hóa chất dễ cháy, nổ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

- Bãi bỏ điều kiện: Sàn nhà xưởng, kho chứa hoá chất phải chịu được hóa chất, tải trọng, không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước tốt.

- Bãi bỏ điều kiện: Nhà xưởng, kho chứa phải có hệ thống thu lôi chống sét hoặc nằm trong khu vực được chống sét an toàn và được định kỳ kiểm tra theo các quy định hiện hành.

- Bãi bỏ điều kiện: Đối với bồn chứa ngoài trời phải xây dè bao hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để đảm bảo hóa chất không thoát ra môi trường khi xảy ra sự cố hóa chất và có biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

- Bãi bỏ điều kiện: Nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ.

- Bãi bỏ điều kiện: Nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường.

- Bãi bỏ điều kiện: Nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9 Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

6. Yêu cầu đối với công nghệ, thiết bị, dụng cụ, bao bì

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Thiết bị kỹ thuật phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với chủng loại hóa chất.

- Bãi bỏ điều kiện: Thiết bị kỹ thuật phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo quy trình công nghệ, đáp ứng được công suất sản xuất, quy mô kinh doanh.

- Bãi bỏ điều kiện: Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.

- Bãi bỏ điều kiện: Vật chứa, bao bì phải đảm bảo kín, chắc chắn, có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển. Bao bì đã qua sử dụng phải bảo quản riêng. Trước khi nạp hóa chất, cơ sở thực hiện nạp phải kiểm tra bao bì, vật chứa hóa chất, làm sạch bao bì đã qua sử dụng để loại trừ khả năng phản ứng, cháy nổ khi nạp hóa chất.

- Bãi bỏ điều kiện: Các vật chứa, bao bì đã qua sử dụng nhưng không sử dụng lại phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Bãi bỏ điều kiện: Vật chứa, bao bì chứa đựng hoá chất phải có nhãn ghi đầy đủ các nội dung theo quy định về ghi nhãn hóa chất.

- Bãi bỏ điều kiện: Nhãn của hoá chất phải đảm bảo rõ, dễ đọc và có độ bền chịu được tác động của hóa chất, thời tiết và các tác động thông thường khi bốc, xếp vận chuyển.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 5 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

7. Yêu cầu đối với bảo quản, vận chuyển hóa chất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Quá trình vận chuyển hóa chất phải thực hiện theo quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

8. Yêu cầu đối với hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất phải được thực hiện tại địa điểm đảm bảo các điều kiện về phòng, chống cháy nổ.

- Bãi bỏ điều kiện: Hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất phải được thực hiện tại địa điểm đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường.

- Bãi bỏ điều kiện: Hoạt động san chiết, đóng gói hóa chất phải được thực hiện tại địa điểm đảm bảo các điều kiện về an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Bãi bỏ điều kiện: Thiết bị san chiết, đóng gói hóa chất phải đạt yêu cầu chung về an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Bãi bỏ điều kiện: Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn và thiết bị đo lường thử nghiệm phải được kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, bảo dưỡng theo quy định hiện hành về kiểm định máy móc, thiết bị.

- Bãi bỏ điều kiện: Bao bì, vật chứa và nhãn hóa chất sau khi san chiết, đóng gói phải đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP.

- Bãi bỏ điều kiện: Người lao động trực tiếp san chiết, đóng gói hóa chất phải được huấn luyện về an toàn hóa chất.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ Điều 7 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

9. Điều kiện sản xuất, kinh doanh tiền chất công nghiệp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện: Phải lập sổ riêng theo dõi tình hình sản xuất tiền chất công nghiệp. Sổ theo dõi bao gồm: Số lượng tiền chất đã sản xuất, số lượng tồn kho, số lượng đã bán, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax, mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân mua tiền chất công nghiệp;

- Bãi bỏ điều kiện: Phải có đầy đủ hóa đơn mua bán, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp các loại tiền chất công nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

Phần III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẦN III PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1643/QĐ-TTG NGÀY 31 THÁNG 7 NĂM 2025

1. Sửa đổi lộ trình thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực dầu khí tại mục I Phần III như sau:

“- Lộ trình thực hiện: Năm 2026”.

2. Bãi bỏ nội dung phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực thương mại biên giới tại mục II Phần III.

3. Sửa đổi nội dung phương án cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại mục V Phần III như sau:

“1. Thủ tục hoặc nhóm thủ tục 1: Đề nghị cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương cung cấp danh sách tổ chức, cá nhân kinh doanh áp dụng hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung trong trường hợp đột xuất

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung cách thức thực hiện (qua bưu điện, trực tuyến hoặc liên thông trên hệ thống dịch vụ công quốc gia).

- Bổ sung thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ.

- Bổ sung trình tự thực hiện TTHCNB, thời gian giải quyết TTHCNB.

b) Kiến nghị thực thi

- Ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn về thủ tục hành chính nội bộ trong công tác phối hợp với cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương về kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.”

BỘ CÔNG THƯƠNG

**TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN LIÊN QUAN
ĐỐI VỚI DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG
THƯƠNG**

Tổng số ý kiến: 10 Bộ ngành, tổ chức; 14 tỉnh/ thành phố, 12 đơn vị thuộc Bộ

STT	Chủ thể có ý kiến	Nội dung ý kiến	Tiếp thu, giải trình của Bộ Công Thương
I. Các bộ, ngành, tổ chức			
1.	Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch	Thống nhất với dự thảo Phương án.	
2.	Bộ Ngoại giao		
3.	Ngân hàng nhà nước		
4.	Bộ Xây dựng		
5.	Bộ Khoa học và Công nghệ		

BỘ CÔNG THƯƠNG

6.	Bộ Y tế	Không có ý kiến bổ sung đối với Dự thảo Phương án	
7.	Hội đồng tư vấn cải cách TTHC		
7.1	Hiệp hội bệnh viện tư nhân	1. Về Tờ trình: đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm từng thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung nội dung: (1) lý do, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính (2) Lợi ích của việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính: tiết kiệm được bao nhiêu tiền; tiết kiệm được bao nhiêu thời gian; tỷ lệ đạt bao nhiêu %. - Phần căn cứ: Đề nghị sửa đổi, điều chỉnh “<i>Căn cứ Luật Tổ chức chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025</i>” thành “<i>Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 53/2025/QH15</i>” - Đề nghị sửa đổi ngày Ban hành Quyết định số 1643/QĐ-TTg từ “<i>ngày 31/12/2025</i>” thành “<i>ngày 31/7/2025</i>”	Tiếp thu, tại Tờ trình Bộ Công Thương bổ sung các nội dung về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD, thời gian, chi phí tuân thủ TTHC và văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cần được trình bày thống nhất, rõ ràng, cụ thể để đánh giá được chính xác mức độ hoàn thành các mục tiêu. Tiếp thu Tiếp thu
7.2	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	1. Đối với TTHC trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh rượu:	1. Theo Mục 46 Phụ lục IV kinh doanh rượu thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và hiện đang thực hiện theo các quy định của Nghị

		1.1 Nội dung đơn giản hóa: Đấu giá quyền sản xuất, kinh doanh rượu theo hạn ngạch/ giấy phép. (i) Bãi bỏ yêu cầu nộp bản sao công chứng (tra cứu từ CSDL đăng ký DN). (ii) Thay giấy tờ chứng minh địa điểm bằng cam kết điện tử và hậu kiểm. (iii) Hợp nhất hồ sơ: sử dụng một mẫu kê khai năng lực thay cho nhiều loại giấy tờ; (iv) Thực hiện trực tuyến, kết nối CSDL PCCC, ĐKDN và thuế (v) Chuyển từ cấp phép sang khai báo/ đăng ký trực tuyến (thông báo trước hoạt động thay vì xin phép), (iv) Hậu kiểm theo rủi ro (lưu ý khu vực cấm/tối tuổi). (vii) Bãi bỏ tiền kiểm nội dung nhãn (trừ trường hợp quảng cáo gây phản cảm vi phạm quy định pháp luật), chuyển sang kê khai nhãn trực tuyến và hậu kiểm nếu liên quan an toàn thực phẩm thì phối hợp Sở Y tế. Lý do: Tăng minh bạch, chống lợi ích nhóm. Tăng thu ngân sách từ đấu giá. Giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý	định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Do vậy, phân phối rượu là hoạt động cấp phép kinh doanh có điều kiện, không phải là tài sản hữu hạn hay độc quyền được Nhà nước phân bổ để đấu giá. 2. Theo các quy định hiện nay cấp Giấy phép phải đáp ứng đủ điều kiện về hệ thống phân phối, an toàn thực phẩm, phòng chống tác hại rượu, bia và an toàn giao thông...Bảo đảm kiểm soát hoạt động kinh doanh rượu theo điều kiện. Việc đấu giá không phù hợp với bản chất quản lý hành chính và môi trường cạnh tranh lành mạnh. Các doanh nghiệp lớn sẽ có lợi thế về tài chính, dễ thu tóm Giấy phép phân phối rượu làm phá vỡ hệ thống phân phối, gây bất bình đẳng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc cấp phép như hiện tại (cấp phép theo hồ sơ đáp ứng điều kiện) tạo sự thuận lợi, công bằng và minh bạch cho các doanh nghiệp kinh doanh
--	--	---	---

		1.2.Kiến nghị thực thi: đấu giá quyền sản xuất, kinh doanh rượu theo hạn ngạch/giấy phép	trong lĩnh vực này và đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước. 3. Hoạt động cấp Giấy phép rượu mang tính kiểm soát theo quy trình thủ tục hành chính, kinh doanh rượu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhưng không mang tính hữu hạn tài nguyên, việc cấp phép nhằm đảm bảo an toàn, trật tự, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Qua rà soát không có quy định pháp luật nào trong (Luật Đấu giá tài sản, Luật Đầu tư, Luật Thương mại...) đề cập đấu giá cấp Giấy phép phân phối rượu và hoạt động phân phối rượu. Bên cạnh đó, việc cấp phép đang được thực hiện theo quy trình, thủ tục hành chính có tiêu chí rõ ràng, minh bạch, dựa trên điều kiện mà doanh nghiệp đáp ứng. 4. Việc đấu giá giấy phép phân phối rượu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại quốc tế nếu không được thực hiện minh bạch, hợp lý và không phân biệt đối xử và có thể tạo ra rào cản tiếp cận thị trường, làm giảm cạnh tranh, gây khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài và ảnh hưởng đến quan hệ thương mại quốc tế.
		2. Đối với các TTHC trong lĩnh vực nhập khẩu, kinh doanh thuốc lá	1. Theo Mục 47 Phụ lục IV kinh doanh sản phẩm thuốc lá thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều

		2.1. Nội dung đơn giản hoá: đấu giá cấp giấy phép kinh doanh thuốc lá/ quyền nhập khẩu thuốc lá theo hạn ngạch; (i) đơn giản hoá hồ sơ nhập khẩu, tra cứu ĐKDN. (ii) Bãi bỏ yêu cầu sao y giấy tờ, thay bằng xác thực điện tử. (iii) Hợp nhất giấy phép phân phối và bán buôn thành một loại giấy phép thương nhân thuốc lá; (iv) Loại bỏ hợp đồng nguyên tắc nộp lên cơ quan quản lý (v) kiểm tra hậu kiểm đối với điểm phân phối có rủi ro thấp (vi) Chuyển thành khai báo trực tuyến; (vii) tăng cường hậu kiểm, phạt hành chính và thu hồi quyền nếu vi phạm (bán cho trẻ vị thành niên, khu vực cấm). Lý do: Minh bạch trong phân bổ hạn ngạch. Giảm chi phí tuân thủ. Giảm thành phần hồ sơ	kiện và hiện đang thực hiện theo các quy định của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Do vậy, kinh doanh sản phẩm thuốc lá là hoạt động cấp phép kinh doanh có điều kiện, không phải là tài sản hữu hạn hay độc quyền được Nhà nước phân bổ để đấu giá. 2. Theo các quy định hiện nay cấp Giấy phép phải đáp ứng đủ điều kiện. Bảo đảm kiểm soát hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá theo điều kiện. Việc đấu giá không phù hợp với bản chất quản lý hành chính và môi trường cạnh tranh lành mạnh. Các doanh nghiệp lớn sẽ có lợi thế về tài chính, dễ thâm tóm Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá làm phá vỡ hệ thống phân phối, gây bất bình đẳng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc cấp phép như hiện tại (cấp phép theo hồ sơ đáp ứng điều kiện) tạo sự thuận lợi, công bằng và minh bạch
--	--	--	--

			cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này và đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước. 3. Hoạt động cấp Giấy phép thuốc lá mang tính kiểm soát theo quy trình thủ tục hành chính, kinh doanh sản phẩm thuốc lá là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhưng không mang tính hữu hạn tài nguyên, việc cấp phép nhằm đảm bảo an toàn, trật tự, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Qua rà soát không có quy định pháp luật nào trong (Luật Đấu giá tài sản, Luật Đầu tư, Luật Thương mại...) đề cập đấu giá cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá. Bên cạnh đó, việc cấp phép đang được thực hiện theo quy trình, thủ tục hành chính có tiêu chí rõ ràng, minh bạch, dựa trên điều kiện mà doanh nghiệp đáp ứng. 4. Việc đấu giá giấy phép phân phối rượu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại quốc tế nếu không được thực hiện minh bạch, hợp lý và không phân biệt đối xử và có thể tạo ra rào cản tiếp cận thị trường, làm giảm cạnh tranh, gây khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài và ảnh hưởng đến quan hệ thương mại quốc tế.
--	--	--	---

		3. Đối với một số TTHC trong lĩnh vực xuất nhập khẩu 3.1 Nội dung đơn giản hóa: Áp dụng việc đấu giá, tích hợp mẫu đơn mẫu tờ khai. (i) Trường hợp có hạn ngạch: áp dụng đấu giá/ đấu thầu quota xuất khẩu hoặc (ii) Trường hợp không hạn chế: chuyển sang kê khai xuất khẩu điện tử; (iii) Loại bỏ các giấy tờ chứng minh kho bãi (hậu kiểm) (iv) Bãi bỏ một số giấy tờ kiểm tra lập (chứng minh DN, báo cáo tài chính); (v) Yêu cầu báo cáo đánh giá kỹ thuật điện lực duy nhất thay cho nhiều giấy tờ chứng nhận; (vi) Cho phép hậu kiểm mức độ sử dụng (vii) Hợp nhất các loại đăng ký liên quan (đăng ký xuất khẩu, đăng ký xử lý hàng đặc thù) vào một Giấy chứng nhận Thương nhân XNK điện tử; (viii) tra cứu tự động từ CSDL. Lý do: Minh bạch trong việc hạn ngạch xuất khẩu, giảm mẫu đơn, mẫu tờ khai khi được tích hợp hoặc bãi bỏ theo hướng kê khai điện tử.	+ <i>Đối với trường hợp có hạn ngạch:</i> Hiện nay, trong nội dung thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương chỉ có các TTHC liên quan đến hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO, trong đó đã có áp dụng hình thức đấu giá quyền sử dụng hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng đường. + <i>Đối với việc bãi bỏ giấy tờ kiểm tra lập (chứng minh doanh nghiệp, báo cáo tài chính):</i> Trong phương án đơn giản hóa TTHC thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu đều đã bãi bỏ các Giấy tờ liên quan đến doanh nghiệp mà cơ quan quản lý nhà nước có thể tra cứu trên dữ liệu điện tử (như Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư ...) + <i>Đối với việc loại bỏ giấy tờ chứng minh kho bãi (cho phép hậu kiểm); yêu cầu báo cáo đánh giá kỹ thuật điện lực duy nhất thay cho nhiều giấy tờ chứng nhận; cho phép hậu kiểm mức độ sử dụng:</i> Trong phương án đơn giản hóa TTHC, đã bãi bỏ yêu cầu về kho bãi và nguồn điện đối với lĩnh vực kinh doanh tạm nhập tái xuất thực phẩm đông lạnh. Đối với lĩnh vực xuất khẩu gạo, hiện đang áp dụng cơ chế hậu kiểm, doanh nghiệp tự kê khai điều kiện kho, cơ sở xay xát và Sở Công Thương tiến hành hậu kiểm.
--	--	--	---

		3.2 Kiến nghị thực thi: Áp dụng việc đấu giá, tích hợp mẫu đơn mẫu tờ khai khi chuyển sang kê khai điện tử.	
7.3	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam	-Về số lượng cắt giảm, đơn giản hóa: 30 TTHC, 72 YCDK - Ý kiến không đồng thuận đối với nội dung tại Phương án sửa đổi, bổ sung cắt giảm, đơn giản hóa: Không có	Tổng số Điều kiện kinh doanh tại Phương án sửa đổi, bổ sung bãi bỏ là: 204 ĐKKD
8.	Văn phòng Chính phủ	-Tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan, địa phương liên quan và các cơ quan thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC	Tiếp thu. Bộ Công Thương đã xây dựng tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, cơ quan liên quan và các cơ quan thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC
		(i) Không đưa vào dự thảo phương án các ĐKKD đã được cắt giảm, đơn giản hóa (<i>chẳng hạn: TTHC cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (Mã TTHC: 1.004155) thuộc lĩnh vực xuất nhập khẩu (khoản 1 Mục IV dự thảo phương án)...</i>);	Các đề xuất liên quan đến TTHC cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh có thay đổi so với nội dung tại Quyết định 1643/QĐ-TTg do vậy Bộ Công Thương vẫn đưa nội dung này vào dự thảo Phương án .
		(ii) Rà soát để quy định cụ thể hoặc cắt giảm những quy định còn chung chung, chưa rõ ràng, chưa tạo điều kiện	1.Tiếp thu, Bộ Công Thương tiếp tục rà soát cắt giảm những quy định còn chung chung, chưa rõ ràng, chưa tạo

		thuận lợi trong quá trình thực hiện, chẳng hạn quy định: “<i>Có phương tiện, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc kiểm toán năng lượng</i>” quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật sử dụng năng lượng Tiết kiệm và hiệu quả; “<i>Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc</i>” quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP...; các điều kiện về cơ sở vật chất, nhà xưởng, như: yêu cầu về tường, trần, nền, cửa ra vào, cửa sổ, hệ thống thông gió, ánh sáng, xử lý chất thải; điều kiện về thiết bị, dụng cụ, như: yêu cầu về vật liệu chế tạo, khả năng vệ sinh, bảo dưỡng... quy định tại Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Lĩnh vực kinh doanh rượu, kinh doanh thuốc lá, kinh doanh khí, xăng dầu, thương mại điện tử tại dự thảo đang đề xuất bãi bỏ ĐKKD “<i>Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật</i>”, “<i>Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật</i>”, tuy nhiên chưa bãi bỏ thành phần hồ sơ tương ứng là “<i>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký</i>	điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện của doanh nghiệp. 2. Về ý kiến yêu cầu rà soát bãi bỏ hồ sơ tương đồng đề xuất bãi bỏ ĐKKD về doanh nghiệp: * Lĩnh vực kinh doanh khí: Không có nội dung đề xuất bãi bỏ ĐKKD “doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật” * Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Có nội dung cắt giảm điều kiện kinh doanh “doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật” tuy nhiên không có thủ tục hành chính * Lĩnh vực TMĐT: Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến, bổ sung sửa đổi nội dung tại mục V ngành nghề TMĐT của dự thảo Quyết định như sau: - Đối với mục 2.b về Kiến nghị thực thi đối với điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Bãi bỏ khoản 1 Điều 54, điểm c khoản 3 Điều 54, cụm từ “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân)” tại điểm b khoản 2 Điều 55 và điểm d khoản 2 Điều 55 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP...” - Đối với mục 3.b về Kiến nghị thực thi đối với điều kiện đối với hoạt động đánh giá tín nhiệm, đề nghị sửa đổi, bổ
--	--	---	---

BỘ CÔNG THƯƠNG

		doanh nghiệp” đối với các TTHC liên quan.	sung như sau: “Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 61 Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử và cụm từ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” tại khoản 2 Điều 22 Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 quy định về website TMĐT...” - Đối với mục 4.b về Kiến nghị thực thi đối với điều kiện đối với hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử, đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau: “Bãi bỏ ... và cụm từ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” tại điểm b khoản 3 Điều 63 Nghị định 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 về TMĐT...”
		- Nghiên cứu, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với hàng hóa kiểm tra chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; chế độ báo cáo;... theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 56/CĐ-TTg ngày 04/5/2025, Công điện số 69/CĐ-TTg ngày 22/5/2025, Công điện số 144/CĐ-TTg ngày 23/8/2025.	Tiếp thu

BỘ CÔNG THƯƠNG

		Đồng thời, tổng hợp thành dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương năm 2025 (Đợt 2).	
		Tại dự thảo Tờ trình, các thông tin, số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD, thời gian, chi phí tuân thủ TTHC và văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cần được trình bày thống nhất, rõ ràng, cụ thể để đánh giá được chính xác mức độ hoàn thành các mục tiêu.	Tiếp thu
9	Bộ Tài chính	1. Đề nghị Quý Bộ căn cứ nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, Công điện số 127/CĐ-TTg¹ và Công điện số 144/CĐ-TTg² để đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý, không tạo ra khoảng trống pháp lý, đảm bảo mục tiêu quản lý nhà nước, góp phần tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng.	Tiếp thu

¹ Công điện số 127/CĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung hoàn thành cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, ĐKKD theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 66/NQ-CP.

² Công điện số 144/CĐ-TTg ngày 23/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, ĐKKD và thực hiện TTHC thông suốt, hiệu quả trong triển khai chính quyền địa phương 02 cấp.

BỘ CÔNG THƯƠNG

		2.1. Đề nghị Quý Bộ rà soát, điều chỉnh “Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025” thành “Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2025” tại Dự thảo Phương án sửa đổi, bổ sung cắt giảm, đơn giản hoá TTHC liên qua đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương.	Tiếp thu, đã hiệu chỉnh
		2.2. Đề nghị Quý Bộ bổ sung lý do cắt giảm, đơn giản hoá và lợi ích của phương án đối với từng TTHC tại dự thảo Phụ lục.	Theo mẫu quyết định của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm không yêu cầu nội dung lý do cắt giảm
		Đối với các TTHC có nội dung cắt giảm, đơn giản hoá bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh”; “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp”..., đề nghị Quý Bộ bổ sung lý do cắt giảm tại Dự thảo Phương án như sau: Căn cứ tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định “ <i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được yêu cầu khai thác và sử</i>	Theo mẫu quyết định của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm không yêu cầu nội dung lý do cắt giảm

		dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính. Trên cơ sở thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công có liên quan đến doanh nghiệp”.	
		2.4. Dự thảo Phương án đưa ra các phương án cắt giảm, đơn giản hoá, bãi bỏ TTHC với lộ trình thực hiện trong năm 2025 và kiến nghị thực thi là sửa đổi các Nghị định, Thông tư. Hiện tại đã là quý IV năm 2025, do vậy đề nghị Quý Bộ căn cứ vào việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định, TTHC tại các văn bản quy phạm pháp luật để cân nhắc lộ trình thực hiện các phương án cắt giảm, đơn giản hoá TTHC, điều kiện đầu tư kinh doanh cho phù hợp.	Tiếp thu

BỘ CÔNG THƯƠNG

10	Thanh tra Chính phủ	1. Bộ Công Thương tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Quyết định để đảm bảo thống nhất với các nội dung tại Nghị quyết số 66/NQ-CP 2. Thể thức, kết cấu các phần I, II,... VII tại Phụ lục 1 cần thống nhất về nội dung, bố cục 3. Điều chỉnh, rà soát một số lỗi câu, chính tả của dự thảo Phương án sửa đổi, bổ sung tại các trang 08, 17,18,19,20,21,27,52	Tiếp thu
11	Bộ Nội vụ	1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là các quy định mới về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền rà soát kỹ các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương để bổ sung, hoàn thiện nội dung dự thảo Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC bảo đảm mục tiêu cắt giảm tối đa các TTHC, quy định kinh doanh không cần thiết, mâu thuẫn, chồng chéo, không hợp lý theo định hướng tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Nghị quyết số 66/NQ-CP), gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ	

BỘ CÔNG THƯƠNG

		công trực tuyến và vận hành chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay. 2. Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, bổ sung “lý do” và “lợi ích” của phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC tại các phương án cụ thể của Dự thảo, nhằm làm rõ hiệu quả, tính khả thi, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tại Nghị quyết số 66/NQ-CP.	
II. Các địa phương			
1.	Quảng Ngãi	Thống nhất với dự thảo Phương án.	
2.	Gia Lai		
3.	Phú Thọ		
4.	Sơn La		
5.	Lai Châu		
6.	Nghệ An		

BỘ CÔNG THƯƠNG

7.	Lâm Đồng		
8.	Đồng Tháp		
9.	An Giang		
10.	Thái Nguyên		
11.	Đồng Nai		
12.	Đắk Lắk		
13.	Hưng Yên		
14.	Quảng Trị	Tại mục IX. NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỆN LỰC (trang 48 của dự thảo Quyết định): Kính đề nghị Bộ Công Thương xem xét điều chỉnh số thứ tự số "3. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện" thành "4. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện" và các số thứ tự tiếp theo sau mục 3. này	Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại Dự thảo

15.	Lào Cai	1. Thủ tục hành chính số 10: Cấp giấy phép phân phối rượu - Tại khoản a mục 3, mục 4 (trang 4) Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu” và “Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán buôn rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu”. Đề nghị đơn vị soạn thảo không bãi bỏ thành phần hồ sơ này. lý do: Vì trong quá trình thẩm định, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan có thẩm quyền giải quyết sẽ không đủ cơ sở, pháp lý và thực tiễn để thẩm định, cấp giấy phép phân phối rượu theo quy định hiện hành. 2. Ngành nghề kinh doanh xăng dầu - Tại khoản a mục 6 (trang 37) dự thảo có đề nghị “Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành”. Đề nghị sửa thành: “Bãi bỏ điều kiện: Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành”; Tiếp tục	1. Theo Mục 46 Phụ lục IV kinh doanh rượu thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và hiện đang thực hiện theo các quy định của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu và Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Do vậy, phân phối rượu là hoạt động cấp phép kinh doanh có điều kiện, không phải là tài sản hữu hạn hay độc quyền được Nhà nước phân bổ để đấu giá. 2. Theo các quy định hiện nay cấp Giấy phép phải đáp ứng đủ điều kiện về hệ thống phân phối, an toàn thực phẩm, phòng chống tác hại rượu, bia và an toàn giao thông...Bảo đảm kiểm soát hoạt động kinh doanh rượu theo điều kiện. Việc đấu giá không phù hợp với bản chất quản lý hành chính và môi trường cạnh tranh lành mạnh. Các doanh nghiệp lớn sẽ có lợi thế về tài chính, dễ thu tóm Giấy phép phân phối rượu làm phá vỡ hệ thống phân phối, gây bất bình đẳng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Việc cấp phép như hiện tại
-----	---------	---	--

		quy định điều kiện trong kinh doanh xăng dầu: “<i>Cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh phải được đào tạo, huấn luyện và có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật hiện hành</i>”. Lý do: Nhân viên trực tiếp kinh doanh vẫn phải có chứng chỉ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy: Việc đào tạo huấn luyện chứng chỉ nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy cho các nhân viên bán hàng tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu là rất cần thiết nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác phòng cháy chữa cháy tại cơ sở, góp phần phòng ngừa và hạn chế tối đa việc xảy ra cháy nổ hoặc khi xảy ra cháy nổ tại cửa hàng, nhân viên có có kỹ năng, biện pháp ứng phó xử lý kịp thời.	(cấp phép theo hồ sơ đáp ứng điều kiện) tạo sự thuận lợi, công bằng và minh bạch cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này và đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước. 3. Hoạt động cấp Giấy phép rượu mang tính kiểm soát theo quy trình thủ tục hành chính, kinh doanh rượu là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhưng không mang tính hữu hạn tài nguyên, việc cấp phép nhằm đảm bảo an toàn, trật tự, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại. Qua rà soát không có quy định pháp luật nào trong (Luật Đấu giá tài sản, Luật Đầu tư, Luật Thương mại...) đề cập đấu giá cấp Giấy phép phân phối rượu và hoạt động phân phối rượu. Bên cạnh đó, việc cấp phép đang được thực hiện theo quy trình, thủ tục hành chính có tiêu chí rõ ràng, minh bạch, dựa trên điều kiện mà doanh nghiệp đáp ứng. 4. Việc đấu giá giấy phép phân phối rượu có thể ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại quốc tế nếu không được thực hiện minh bạch, hợp lý và không phân biệt đối xử và có thể tạo ra rào cản tiếp cận thị trường, làm giảm cạnh tranh, gây khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài và ảnh hưởng đến quan hệ thương mại quốc tế.
--	--	--	---

16.	Hà Tĩnh	- Phụ lục 1, mục I: Đối với điều kiện cấp Giấy phép phân phối rượu, Giấy phép bán lẻ rượu, Giấy phép bán buôn rượu, đề nghị không bãi bỏ thành phần hồ sơ “Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu”, thành phần hồ sơ Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận, Văn bản giới thiệu vì đây là căn cứ để cấp giấy phép đúng đối tượng, đúng địa điểm. - Phụ lục 2, mục II. Ngành nghề kinh doanh thuốc lá: Đối với điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá: Đề nghị không bãi bỏ điều kiện có văn bản giới thiệu mua bán của Nhà cung cấp thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh vì đây là căn cứ để cấp giấy phép đúng đối tượng, đúng địa điểm.	Việc bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến nhà cung cấp rượu nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi cho doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Theo đó, yêu cầu “Rà soát, đề xuất phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết được thực hiện áp dụng theo hình thức giấy phép”); đồng thời việc bãi bỏ điều kiện trên nhằm giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tăng tính linh hoạt, chủ động tìm kiếm, thay đổi nhà cung cấp của chủ thể sau khi được cấp giấy phép.
		- Phụ lục 1, mục VI. Sửa đổi phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với các TTHC trong lĩnh vực điện lực: đối với TTHC cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	Bộ Công Thương có ý kiến như sau: - Liên quan đến việc bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng

		+ Đề nghị xem xét, không bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép”. Lý do: đây là hồ sơ cơ bản nhất của một tổ chức và thực tế cho thấy doanh nghiệp không gặp khó khăn đối với việc cung cấp thành phần hồ sơ này. + Đối với hồ sơ người quản lý kỹ thuật: đề nghị xem xét chỉ lược bỏ “bản khai quá trình công tác trong lĩnh vực phát điện có xác nhận của người sử dụng lao động”. Lý do: trong một số trường hợp, cá nhân gặp nhiều khó khăn để xin xác nhận của người sử dụng lao động trước đây. Tuy nhiên, thành phần bằng tốt nghiệp đại học trở lên đề nghị xem xét giữ nguyên để đảm bảo người quản lý kỹ thuật có nền tảng, kiến thức về kỹ thuật. + Hiện nay một số dự án không phát thải ra môi trường trong quá trình hoạt động được miễn đăng ký môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường; do vậy đề nghị xem xét sửa đổi Khoản 8 Điều 8 và khoản 6 Điều 3 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp.	nhận đăng ký doanh nghiệp) của tổ chức đề nghị cấp giấy phép”. Tại Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực ban hành kèm theo Nghị định số 61/2025/NĐ-CP (Mẫu số 01) đã bao gồm nội dung liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực. Do đó, các thông tin tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện đầy đủ tại văn bản đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực. Do đó, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như tại Dự thảo. - Liên quan đến hồ sơ người quản lý kỹ thuật trong lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện: Hiện nay, Nghị định số 61/2025/NĐ-CP đã quy định đầy đủ điều kiện và thành phần hồ sơ của đội ngũ trực tiếp tham gia công tác vận hành, đây là đội ngũ trực tiếp vận hành thiết bị trên hệ thống điện và trực tiếp trao đổi, cung cấp thông tin với cấp điều độ có quyền điều khiển để đảm bảo vận hành an toàn hệ thống điện theo quy định. Năng lực của người quản lý kỹ thuật sẽ do đơn vị hoạt động điện lực quyết định phù hợp theo nhu cầu thực tế. Ngoài ra, để bảo đảm thực hiện đầy đủ quan điểm chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về việc cắt
--	--	---	--

			giảm điều kiện đầu tư kinh doanh, Bộ Công Thương đề nghị giữ nguyên như tại dự thảo Phương án. - Ý kiến liên quan đến việc sửa đổi khoản 8 Điều 8 và khoản 6 Điều 3 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP sẽ được Bộ Công Thương nghiên cứu, tiếp thu khi sửa đổi Nghị định số 61/2025/NĐ-CP trong thời gian tới.
		- Phụ lục 1, mục VII, TTHC 6, 7, 8: đề nghị không bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh”, vì những thông tin trong các giấy tờ này là một phần nội dung được đề cập trong giấy chứng nhận.	Căn cứ tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định “<i>Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được yêu cầu khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với mục tiêu phục vụ quản lý nhà nước, thực hiện thủ tục hành chính. Trên cơ sở thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu doanh nghiệp nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công có liên quan đến doanh nghiệp</i>”.

		- Phụ lục 2, mục XII (Ngành nghề kinh doanh hoá chất): + Đề nghị xem xét lại nội dung kiến nghị thực thi tại mục 3, mục 4. Việc bãi bỏ các điều khoản của Luật Hoá chất 2007 trong năm 2026 là không phù hợp. Hiện nay Quốc hội đã ban hành Luật Hoá chất 2025 thay thế Luật hoá chất 2007, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. + Mục 9 (điều kiện sản xuất, kinh doanh tiền chất công nghiệp): đề nghị không bãi bỏ điều kiện: “Phải lập sổ theo dõi tình hình sản xuất tiền chất công nghiệp...”, vì tiền chất công nghiệp có thể bị lạm dụng trong quá trình điều chế, sản xuất ma túy nên cần được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.	Ngày 01/01/2026 Luật hóa chất số 69/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn Luật có hiệu lực thi hành, do đó, các quy định liên quan đến điều kiện trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng...hóa chất, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận sẽ được thực hiện theo quy định tại Luật Hóa chất số 69 và các văn bản hướng dẫn Luật
		- Phụ lục 2, mục VI, tiểu mục 1 (ngành nghề kinh doanh theo phương thức đa cấp), trang 40 dự thảo: không bãi bỏ điều kiện “Có vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.	Điều kiện vốn điều lệ là một trong những điều kiện đầu tư kinh doanh được thiết lập nhằm sàng lọc năng lực tài chính của doanh nghiệp bán hàng đa cấp khi tham gia vào thị trường. Tuy nhiên, tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 18/2023/NĐ-CP), ngoài quy định về vốn điều lệ, vẫn còn các quy định chặt chẽ khác được quy định nhằm sàng lọc năng lực tài chính của doanh nghiệp. Do đó, để thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về cắt giảm

			điều kiện đầu tư, kinh doanh theo Nghị quyết số 68 NQ/TW, Bộ Công Thương đề xuất bỏ quy định về vốn điều lệ. Trên thực tế, trong hoạt động bán hàng đa cấp, năng lực tài chính của doanh nghiệp cần được sàng lọc do liên quan tới việc đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về tài chính của doanh nghiệp bán hàng đa cấp đối với người tham gia bán hàng đa cấp. Vấn đề này đã được giải quyết tại quy định về trách nhiệm ký quỹ của doanh nghiệp. Tại Dự thảo Nghị định thay thế các Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, Bộ Công Thương đã tham mưu tăng số tiền ký quỹ nhằm tăng trách nhiệm của doanh nghiệp với người tham gia bán hàng đa cấp. Quy định này cũng nhằm sàng lọc tốt hơn năng lực của nhà đầu tư tham gia thị trường.
		- Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc kỹ về thời gian thực hiện TTHC. Thực tiễn hiện nay cho thấy, khối lượng công việc tăng mạnh do quá trình phân cấp, phân quyền từ Trung ương về địa phương, trong khi biên chế và nguồn lực chưa được bổ sung tương xứng. Nếu quy định rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC một cách cứng nhắc, sẽ khó bảo đảm chất lượng, tiến độ, thậm chí gây áp lực và phát sinh vướng mắc cho cơ quan thực	Việc cắt giảm về thời gian giải quyết một số TTHC tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg đã được Bộ Công Thương xem xét, rà soát và đã được lấy ý kiến các Bộ, UBND, các cơ quan, tổ chức trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc cắt giảm thời gian xử lý TTHC tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg để đảm bảo thực hiện theo yêu cầu, nhiệm vụ đề ra tại Công điện số 22/CĐ-TTg ngày 09/3/2025 và

		hiện. Do đó, việc quy định thời gian cần hài hòa giữa yêu cầu cải cách, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp và năng lực thực tiễn của cơ quan hành chính	Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2025, Nghị quyết số 66/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Theo đó, các văn bản chỉ đạo, điều hành nói trên yêu cầu cắt giảm “ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí kinh doanh (chi phí tuân thủ); bãi bỏ 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết”. Việc cắt giảm thời gian xử lý TTHC cũng nhằm đảm bảo , tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.
17.	Quảng Ninh	- Mục 4. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 10 tại số thứ tự 10 mục I Phần I (Cấp giấy phép phân phối rượu). Đề nghị không cắt giảm thành phần hồ sơ “<i>Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu</i>”. <u>Lý do:</u> Trên giấy phép phân phối rượu quy định phạm vi “<i>Được phép mua các loại rượu của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu, nhà cung cấp rượu nước ngoài sau: ...</i>” Nếu bỏ thành phần này đi sẽ ảnh hưởng đến thời gian giải quyết thủ tục hành chính, Sở Công Thương phải mất thêm thời gian xác minh, làm rõ các nhà cung cấp rượu có đủ điều kiện hay không, trong khi đó thời gian giải quyết thủ tục lại bị	Việc bãi bỏ thành phần hồ sơ liên quan đến nhà cung cấp rượu nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi cho doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Theo đó, yêu cầu “Rà soát, đề xuất phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết được thực hiện áp dụng theo hình thức giấy phép”); đồng thời việc bãi bỏ điều kiện trên nhằm giảm thiểu chi phí

		cắt giảm thêm như trong dự thảo Phương án? Do đó, việc duy trì thành phần hồ sơ “<i>Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu</i>” là cần thiết để đảm bảo việc thẩm định, cấp giấy phép phân phối rượu chặt chẽ, đúng quy định, tiết kiệm thời gian trong giải quyết thủ tục hành chính. - Mục 5, Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 13 tại số thứ tự 13 mục I Phần I (Cấp giấy phép bán lẻ rượu). Đề nghị không cắt giảm thành phần hồ sơ, Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu và không cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục này. <u>Lý do:</u> Tương tự như đối với nội dung tại mục 4. Mặt khác, UBND cấp xã đang phản ánh khối lượng công việc quá tải, cán bộ giải quyết đa số là những người mới, chưa có kinh nghiệm, vừa làm vừa nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật. Nếu cắt giảm thời gian thủ tục hành chính, cũng như cắt giảm các giấy tờ cần thiết sẽ gây khó khăn cho UBND cấp xã trong việc giải quyết các thủ tục hành chính. 2.2. Phần II Phụ lục 1 dự thảo Phương án (Lĩnh vực khí)	tuân thủ cho doanh nghiệp, tăng tính linh hoạt, chủ động tìm kiếm, thay đổi nhà cung cấp của chủ thể sau khi được cấp giấy phép.
--	--	---	---

		- Tại mục 3, Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 13 mục VI Phần I (Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG). Đề nghị giữ nguyên thành phần hồ sơ “<i>Danh mục quy trình về an toàn chế tạo chai LPG, quy trình sửa chữa chai LPG; Quy trình chế tạo một chai LPG điển hình</i>” (bao gồm cả tính toán bền). <u>Lý do:</u> Khoản 2 Điều 14 Nghị định 87/2018/NĐ-CP quy định: “2. Có đầy đủ các quy định về an toàn, quy trình chế tạo, quy trình sửa chữa các quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm”. - Mục 4 Bổ sung phương án thủ tục hành chính tại số thứ tự 14 mục VI Phần I (Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG mini). Đề nghị giữ nguyên thành phần hồ sơ: Danh mục quy trình về an toàn chế tạo chai LPG mini. <u>Lý do:</u> Khoản 2 Điều 14 Nghị định 87/2018/NĐ-CP quy định: “2. Có đầy đủ các quy định về an toàn, quy trình chế tạo, quy trình sửa chữa các quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm.”. Các thành phần hồ sơ đề xuất cắt giảm là những tài liệu chứng minh điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận. Nếu cắt bỏ, không có đủ cơ sở để xác định đủ điều	
--	--	--	--

		kiện để được cấp Giấy chứng nhận theo quy định.	
		2.3. Tại Phần I, Phụ lục 2 (Ngành nghề sản xuất, kinh doanh rượu) - Mục 4 điều kiện bán rượu tiêu dùng tại chỗ. Đề nghị giữ nguyên các điều kiện: (1) Rượu tiêu dùng tại chỗ phải được cung cấp bởi thương nhân có Giấy phép sản xuất, phân phối, bán buôn hoặc bán lẻ rượu. (2) Trường hợp thương nhân tự sản xuất rượu để bán tiêu dùng tại chỗ thì phải có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp hoặc Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. <u>Lý do:</u> Khi yêu cầu rượu phải được cung cấp bởi các thương nhân đã được cấp phép, cơ quan quản lý sẽ dễ dàng kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sản phẩm. Điều này giúp ngăn chặn rượu giả, rượu kém chất lượng hoặc rượu không rõ nguồn gốc lưu hành trên thị trường, từ đó bảo vệ sức khỏe và tính mạng của người tiêu dùng. Ngoài ra, cần giữ nguyên điều kiện phải đăng ký việc bán rượu tiêu dùng tại chỗ “Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước khi tiến hành hoạt động	-Nội dung tại mục 4:Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến nêu tại mục 4 và đề xuất giữ nguyên, tiếp tục thực hiện các quy định về bán rượu tiêu dùng tại chỗ theo quy định tại Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

	kinh doanh theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung”. <u>Lý do:</u> Khi các cơ sở kinh doanh rượu tiêu dùng tại chỗ đăng ký với UBND cấp xã, sẽ có được danh sách đầy đủ và chính xác các điểm bán rượu trên địa bàn. Điều này giúp chính quyền dễ dàng kiểm tra, giám sát và nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh. - Mục 6, Điều kiện bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ. Đề nghị giữ nguyên điều kiện “Đăng ký với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thương nhân đặt cơ sở kinh doanh trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh theo Mẫu số 14 Mục II tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu. Trường hợp có thay đổi nội dung đã đăng ký phải thực hiện đăng ký bổ sung”. <u>Lý do:</u> Khi các cơ sở kinh doanh bán rượu có độ cồn dưới 5,5 độ đăng ký với UBND cấp xã, sẽ có được danh sách đầy đủ và chính xác các điểm bán rượu trên địa bàn. Điều này giúp chính quyền dễ dàng kiểm tra, giám	- Nội dung tại Mục 6 Bộ Công Thương bảo lưu ý kiến bãi bỏ quy định này nhằm tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi cho doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm điều kiện kinh doanh không cần thiết, không phù hợp theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Theo đó, yêu cầu “Rà soát, đề xuất phương án bãi bỏ điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết được thực hiện áp dụng theo hình thức giấy phép”); đồng thời việc bãi bỏ điều kiện trên nhằm giảm thiểu chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tăng tính linh hoạt, chủ
--	--	--

		sát và nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh. - Mục 7, Điều kiện sản xuất rượu công nghiệp. Đề nghị giữ nguyên điều kiện: Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định. <u>Lý do:</u> Ngành sản xuất rượu công nghiệp thường tạo ra một lượng lớn nước thải và khí thải trong quá trình lên men, chưng cất. Nếu không được xử lý đúng cách, những chất thải này sẽ gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước, đất và không khí. Việc yêu cầu tuân thủ các điều kiện về bảo vệ môi trường là để đảm bảo doanh nghiệp phải đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải, từ đó giảm thiểu tác động tiêu cực, bảo vệ môi trường sống. Vì vậy, việc cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp cho doanh nghiệp mà không đảm bảo các quy định về môi trường là hành động thiếu trách nhiệm và có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng ảnh hưởng đến sức khỏe con người và sự phát triển bền vững. - Mục 9, điều kiện sản xuất rượu thủ công bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại. Đề nghị giữ nguyên điều kiện: (1) Có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp; (2) Trường	động tìm kiếm, thay đổi nhà cung cấp của chủ thể sau khi được cấp giấy phép. - Tiếp thu, Bộ Công Thương giữ điều kiện “<i>Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định</i>”. Lý do: Tại điểm c, khoản 1 Điều 15 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định điều kiện cấp phép sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bao gồm: c) Bảo đảm điều kiện về ATTP và bảo vệ môi trường theo quy định. -Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến giữ nguyên điều kiện “<i>Có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp</i>”.
--	--	--	---

		hợp không bán rượu cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất rượu thủ công phải làm thủ tục cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. <u>Lý do:</u> Nhằm tăng cường công tác quản lý sản xuất rượu thủ công, cơ quan chức năng sẽ khó nắm bắt được số lượng, nguồn gốc và chất lượng rượu được sản xuất thủ công. Điều này tạo kẽ hở cho việc sản xuất và buôn bán rượu lậu, gây mất trật tự thị trường và tiềm ẩn rủi ro về an toàn thực phẩm.	
		2.4. Tại Phần II, Phụ lục 2 (Ngành nghề kinh doanh thuốc lá) - Mục 1 Điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá và mục 3 Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Đề nghị giữ nguyên quy định “<i>Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012</i>” <u>Lý do:</u> Khoản 2 Điều 25 của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 quy định rõ những địa điểm cấm bán thuốc lá như trường học, bệnh viện, cơ sở y tế. Việc duy trì quy định này trong các điều kiện cấp phép bán buôn và bán lẻ thuốc	Khoản 2 Điều 25 của Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012 quy định rõ những địa điểm cấm bán thuốc lá: không được bán thuốc lá phía ngoài cổng nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, viện nghiên cứu y học, bệnh viện, nhà hộ sinh, trung tâm y tế dự phòng, trạm y tế xã, phường, thị trấn trong phạm vi 100 mét (m) tính từ ranh giới khuôn viên gần nhất của cơ sở đó, do đó doanh nghiệp bắt buộc phải tuân thủ quy định này. Vì vậy, không cần phải đưa vào trong quy định Điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá.

		lả sẽ đảm bảo tính nhất quán và thống nhất của hệ thống pháp luật. Nếu bãi bỏ điều kiện này, sẽ tạo ra sự mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật, gây khó khăn cho việc quản lý và thực thi. - Mục 2 Điều kiện cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lả. Nhất trí bãi bỏ toàn bộ các điều kiện và đề nghị bãi bỏ thủ tục bán buôn thuốc lả (và cả rượu). <u>Lý do</u>: Việc có cả giấy phép phân phối và giấy phép bán buôn là không cần thiết, gây chồng chéo về mặt thủ tục. Bản chất của hoạt động phân phối là bán buôn. Do đó, nếu doanh nghiệp đã có giấy phép phân phối, việc yêu cầu thêm giấy phép bán buôn là không hợp lý, làm phức tạp hóa quy trình và tốn kém nguồn lực của cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Việc bãi bỏ thủ tục này sẽ giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính và đảm bảo tính nhất quán trong quản lý.	
		2.5. Tại Phần III, Phụ lục 2 (Ngành nghề kinh doanh khí) Đề nghị xem xét điều chỉnh giữ các điều kiện, thành phần hồ sơ về đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy trong kinh doanh khí do nguy cơ cháy nổ cao, các	Phương án cắt giảm điều kiện đối với hoạt động kinh doanh khí đã được Bộ Công Thương rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, đặc biệt là các điều kiện gắn với yêu cầu đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy trong kinh doanh khí. Theo đó, điều kiện riêng về phòng cháy và

		chất độc hại trong khí có tác động xấu đến con người, môi trường	chữa cháy đã được rà soát quy định cụ thể đối với các cơ sở vật chất kinh doanh khí (bồn chứa, cầu cảng, cơ sở sản xuất, chế biến khí, trạm cấp, trạm nạp,...) là các điều kiện kinh doanh khí, gắn với yêu cầu đáp ứng các quy định về an toàn và các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.
		Tại Mục 1, Phụ lục 1, phần IV: Đề nghị rà soát lại nội dung bãi bỏ 02 thay 03 thành phần hồ sơ (Lý do: trong phần kiến nghị thực thi đang đề xuất bãi bỏ đang liệt kê 03 điểm b, d, đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương)	Tiếp thu
14.	Thanh Hóa	Tại Mục 1, Phụ lục 1, phần IV: Đề nghị rà soát lại nội dung bãi bỏ 02 thay 03 thành phần hồ sơ (Lý do: trong phần kiến nghị thực thi đang đề xuất bãi bỏ đang liệt kê 03 điểm b, d, đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương).	Đồng ý tiếp thu, sửa nội dung từ 02 thành phần hồ sơ thành 03 thành phần hồ sơ
III. Các đơn vị thuộc Bộ			

1.	Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia	(1) Sửa đổi Điều 1 Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp với nội dung của Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: Quyết định 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2025 <i>bao gồm Phần I Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; Phần II Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh và phần III Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ</i>; Trong khi đó, Điều 1 Quyết định sửa đổi, bổ sung đang quy định “Sửa đổi, bổ sung <i>Phần I, Phần II của Phương án về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh</i> tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg.” (2) Sửa đổi tên Phụ lục 1 của Phương án sửa đổi, bổ sung kèm theo Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung, đảm bảo dẫn chiếu chính xác tên của Quyết định số 1643/QĐ-TTg, cụ thể: Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung đang quy định “Phụ lục 1 Sửa đổi, bổ sung Phần I phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương ban hành kèm theo <i>Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2025</i>”	-Tiếp thu
----	----------------------------	--	-----------

		(3) Bổ sung vào Phụ lục 1 Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung như sau: “V. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐỐI VỚI CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP 1. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 1 tại số thứ tự 1 mục XI Phần I như sau: “1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 1.000887) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa - Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc. - Bãi bỏ thành phần hồ sơ <i>“Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp”</i>. b) Kiến nghị thực thi - Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, được sửa đổi,	
--	--	--	--

		bổ sung một số điều tại Nghị định số <u>18/2023/NĐ-CP</u> (Sau đây gọi là Nghị định số <u>40/2018/NĐ-CP</u>). - Bãi bỏ điểm b và điểm g khoản 1 Điều 7 Nghị định số <u>40/2018/NĐ-CP</u>. - <i>Bãi bỏ khoản 9 Điều 9 Nghị định số <u>40/2018/NĐ-CP</u>.</i> - Lộ trình thực hiện: Năm 2025.” 2. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 2 tại số thứ tự 2 mục XI Phần I như sau: “2. Thủ tục hành chính 2: Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 2.001608) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa - Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc. - Bãi bỏ thành phần hồ sơ <i>“Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp”</i>. b) Kiến nghị thực thi - Sửa đổi, bổ sung <i>Điều 10 Nghị định số <u>40/2018/NĐ-CP</u>.</i>	
--	--	---	--

		- Bãi bỏ điểm b và điểm g khoản 1 Điều 7 <u>Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.</u> - <u>Bãi bỏ khoản 9 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.</u> - Lộ trình thực hiện: Năm 2025.” 3. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 5 tại số thứ tự 5 mục XI Phần I như sau: “5. Thủ tục hành chính 5: Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 1.003765) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa - Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định hồ sơ nếu có sửa đổi, bổ sung từ 15 ngày làm việc còn 10 ngày làm việc, giảm thời gian công bố kết quả từ 10 ngày làm việc còn 5 ngày làm việc. - Bãi bỏ thành phần hồ sơ <i>“Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có hệ thống thông tin liên lạc để tiếp nhận, giải quyết thắc mắc, khiếu nại của người tham gia bán hàng đa cấp”</i>. b) Kiến nghị thực thi - Sửa đổi, bổ sung <u>Điều 10 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.</u> - Bãi bỏ điểm b và điểm g khoản 1 Điều 7 <u>Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.</u> - <u>Bãi bỏ khoản 9 Điều 9 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.</u>	
--	--	--	--

		- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.” 4. Sửa đổi nội dung phương án đối với Thủ tục hành chính 7 tại số thứ tự 7 mục XI Phần I như sau: “7. Thủ tục hành chính 7: Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp (Mã TTHC: 1.003705) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa <i>Bộ Công Thương phân cấp cho UBND cấp tỉnh giải quyết (được quy định tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP);</i> Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc còn 15 ngày làm việc. b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35, Điều 36 và Điều 37 <i>Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.</i> - Lộ trình thực hiện: Năm 2025.” (4) Sửa đổi tên Phụ lục 2 của Phương án sửa đổi, bổ sung kèm theo Dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung, đảm bảo phù hợp nội dung quy định của Phụ lục 2, cụ thể: tên của Phụ lục 2 đang trùng với tên của Phụ lục 1.	
2.	Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương	Phụ lục 1, mục IV, trang 13 bãi bỏ thành phần hồ sơ “ <i>Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án phải thực</i>	Bộ Công Thương có ý kiến như sau: Việc bãi bỏ “ <i>Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án phải</i>

		hiện đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường". Việc bãi bỏ có thể xung đột với Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Luật Bảo vệ môi trường. Đề xuất không bãi bỏ các Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường trong các trường hợp mà cho phép hình thức nộp khác như: bản sao điện tử, cross-check với hệ thống quản lý văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công an.	thực hiện đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường" trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực nhằm mục đích cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho doanh nghiệp có nhu cầu hoạt động điện lực theo quan điểm chỉ đạo của Đảng và Chính phủ trong thời gian qua. Việc cắt giảm thành phần hồ sơ nêu trên không đồng nghĩa với việc tổ chức không thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật về môi trường. Do đó, không ảnh hưởng và không xung đột với Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Luật Bảo vệ môi trường.
		Phụ lục 1, mục VII, trang 17 bãi bỏ "Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang thiết bị phòng hộ lao động" quy định tại Nghị định 33/2024/NĐ-CP triển khai Công ước cấm vũ khí hóa học, nên các yêu cầu kê khai có mục tiêu phòng ngừa, báo cáo và tuân thủ cam kết quốc tế; do đó việc bãi bỏ có thể vi phạm Công ước quốc tế. Đề xuất thêm điều khoản đảm bảo: "mọi thay đổi phải tuân thủ Công ước quốc tế và trình Chính phủ/ Quốc hội khi cần thiết".	Đồng ý tiếp thu ý kiến của Hà Tĩnh, hiện nay Bộ Công Thương đang chủ trì, xây dựng tại các Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành Luật hóa chất 2025. Các Nghị định này về cơ bản có nhiều thay đổi, các điều kiện đã được lược bỏ cắt giảm và dự thảo các Nghị định đã được lấy ý kiến các Bộ, Ban ngành, UBND các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất. Dự thảo các Nghị định đã được thẩm định tại Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương đã tiếp thu các ý kiến góp ý, của các cơ

			quan, Bộ Ban ngành và đang hoàn thiện Dự thảo để trình Chính phủ xem xét, ký ban hành.
		Phụ lục 2, trang 22 Phụ lục ghi “..ban hành kèm theo quyết định số 1643/QĐ-TTg ban hành ngày 31 tháng 7 năm 2025”. Đề xuất sửa lại thống nhất toàn bộ văn bản	Tiếp thu, đã hiệu chỉnh tại Dự thảo
		Đề xuất bổ sung “Đánh giá tác động của chính sách” cho từng nhóm TTHC và ĐKKD được cắt giảm, đơn giản hóa gồm: phân loại rủi ro; ước lượng lợi ích	Thành phần hồ sơ theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ không yêu cầu nội dung này
3.	Cục Công nghiệp	I. Ngành nghề sản xuất, kinh doanh rượu – lĩnh vực Công nghiệp thực phẩm <i>1. Đối với điều kiện sản xuất rượu công nghiệp</i> - Không đồng ý bỏ điều kiện : Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định 105/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP. Lý do: điểm c, khoản 1 Điều 15 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia quy định điều kiện cấp phép sản xuất rượu công nghiệp có độ cồn từ 5,5 độ trở lên bao gồm: c) Bảo đảm điều kiện về ATTP và bảo vệ môi trường theo quy định.	Bộ Công Thương tiếp thu ý kiến giữ nguyên điều kiện “ <i>Bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định 105/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi Nghị định 17/2020/NĐ-CP</i>” - Tiếp thu, nội dung đã được thể hiện tại Quyết định

		- Đồng ý bỏ điều kiện và chuyển hậu kiểm quy định: Đáp ứng các quy định về ghi nhãn hàng hóa rượu do nội dung này đã được quy định tại Điều 6 và khoản 5 Điều 15 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. 2. Điều kiện sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh Đề xuất bỏ điều kiện và chuyển hậu kiểm quy định: “Ghi nhãn hàng hóa rượu theo quy định” do nội dung này đã được quy định tại Điều 6 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. 3. Điều kiện sản xuất rượu thủ công bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại - Không đồng ý Bãi bỏ điều kiện: “Có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp”. Lý do: đã được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019.	- Tiếp thu, nội dung đã được thể hiện tại quyết định
		II. Ngành nghề kinh doanh thuốc lá – lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng 1. Đối với 04 điều kiện: (i) Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá; (ii) Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá; (iii) Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất tiêu thụ trong nước, sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu; (iv) Cấp Giấy	

		chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá Các nội dung đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa tại dự thảo Phương án không thay đổi so với nội dung Phương án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg. Cục Công nghiệp đề nghị Vụ Pháp chế rà soát lại. 2. Đối với điều kiện nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá Các nội dung đề xuất bãi bỏ tại Dự thảo Phương án đã được chuyển hậu kiểm tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg, vì vậy, Cục Công nghiệp đề nghị Vụ Pháp chế rà soát lại. 3. Đối với 02 điều kiện: (i) Cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá; (ii) Đầu tư, hợp tác với nước ngoài để sản xuất thuốc lá Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá đã được cắt giảm tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg, vì vậy Cục Công nghiệp đề nghị Vụ Pháp chế rà soát lại. 4. Về lộ trình thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh thuốc lá Để triển khai Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch	
--	--	---	--

		triển khai thi hành Nghị quyết số 173/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội và triển khai Quyết định số 1643/QĐ-TTg, Cục Công nghiệp đang hoàn thiện xây dựng Nghị định về kinh doanh thuốc lá (thay thế Nghị định số 67/2013/NĐ-CP). Ngoài ra, thực hiện phân giao tại Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ và Quyết định số 1665/QĐ-TTg, Bộ Y tế đang chủ trì tham mưu ban hành khái niệm thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, thời hạn hoàn thành là trong năm 2025. Để phù hợp với tiến độ thực tế xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, điều chỉnh lộ trình thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh thuốc lá như sau:		
--	--	--	--	--

		- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2025-2026 (thay vì giai đoạn 2025 như nêu tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg).	
		III. Về lĩnh vực an toàn thực phẩm 1. Đối với 02 thủ tục hành chính: (i) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện; (ii) Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện Tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, đối với 02 thủ tục hành chính: (i) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện; (ii) Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện, dự kiến sẽ bãi bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh	1. Đối với 02 thủ tục hành chính: (i) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện; (ii) Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện Bộ Công Thương nhất trí với đề xuất hiệu chỉnh lộ trình thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hoá tại Quyết định 1643/QĐ-TTg đối với các TTHC trong lĩnh vực ATTP từ năm 2025 sang giai đoạn 2025-2026 để đảm bảo phù hợp với tiến độ sửa đổi Luật An toàn thực phẩm. 2. Đối với 02 thủ tục hành chính: (i) Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước; (ii) Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước Qua rà soát, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện

		định số 1643/QĐ-TTg ngày 31/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ vì: (i) Trên thực tế các thủ tục hành chính trong phạm vi điều chỉnh của Luật Dầu khí năm 2022 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP đã được thực hiện trên môi trường trực tuyến (thông qua trực liên thông văn bản quốc gia theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước, trong đó có Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Việt Nam), bao gồm: - Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) gửi hồ sơ đến Bộ Công Thương. - Bộ Công Thương lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan về đề nghị của PVN. - Bộ Công Thương trả lời đề nghị của PVN. Do đó việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2023/NĐ-CP là không cần thiết (Vụ Dầu khí và Than không đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 45/2023/NĐ-CP trong năm 2025). (ii) Trong năm 2026, Bộ Công Thương sẽ triển khai xây dựng Luật Dầu khí (sửa đổi) thay thế Luật Dầu khí năm 2022 và xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí thay thế Nghị định số 45/2023/NĐ-CP.	phương án năm 2025 sang năm 2026 đối với việc sửa đổi Nghị định số 45/2023/NĐ-CP để đảm bảo phù hợp với tiến độ sửa đổi Luật Dầu khí.
--	--	---	--

BỘ CÔNG THƯƠNG

7.	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	Nhất trí	
8.	Vụ Tổ chức cán bộ	Không có ý kiến bổ sung	
9.	Vụ Chính sách thương mại đa biên		
10.	Cục Phòng vệ thương mại		
11.	Cục Hóa chất		
12	Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công		
13	Cục ATMT	A. Đề nghị bổ sung Phụ lục I để phù hợp với sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II như sau: 1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.001600) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao văn bản giao nhiệm vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ”. b) Kiến nghị thực thi	Tiếp thu- Hiệu chỉnh nội dung bổ sung tại Phụ lục I và Phụ lục II

			- Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024. - Lộ trình thực hiện: Năm 2026. 2. Thủ tục hành chính 2: Cấp phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (Mã TTHC: 2.001575) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa Bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao văn bản giao nhiệm vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ”. b) Kiến nghị thực thi - Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 36 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024. - Lộ trình thực hiện: Năm 2026. B. Đề nghị sửa đổi Điều kiện kinh doanh VLNCN để thống nhất với điều kiện sản xuất VLNCN như sau: 1. Điều kiện kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa - Bãi bỏ điều kiện: Được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ. - Bãi bỏ điều kiện: Doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp chỉ được	
--	--	--	---	--

		kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp thuộc danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam; - Bãi bỏ điều kiện: Được mua lại vật liệu nổ công nghiệp của tổ chức, doanh nghiệp được phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không sử dụng hết. Việc kinh doanh phải bảo đảm đúng quy định trong giấy phép kinh doanh. b) Kiến nghị thực thi - Bãi bỏ nội dung liên quan đến điểm a khoản 3 Điều 34 <u>Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024</u>. - Bãi bỏ điểm đ khoản 3 Điều 34 <u>Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024</u> - Lộ trình thực hiện: Năm 2026.	
--	--	--	--